

Số: 156 /QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 1 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện học Anh văn chuyên ngành đối với sinh viên hệ
đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) đợt tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 658/QĐ-ĐHNH ngày 04/4/2024 của Thống đốc Ngân hàng
nhà nước Việt Nam về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Trường đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 16/09/2024 của Chủ tịch Hội
đồng trường về việc ban hành Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và đào
tạo về việc Ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc
ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao,
tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học
Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Xét chứng chỉ Anh văn sinh viên nộp và đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Đào
tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận đạt chuẩn tiếng Anh giai đoạn đào tạo đại cương (tương đương
trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo tiêu chuẩn Việt Nam) đối với 128 sinh viên đại học chính
quy chương trình tiếng Anh bán phần (CLC) đợt tháng 12 năm 2025.

(Danh sách đính kèm)



Điều 2. Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



HIỆU TRƯỞNG

GS. TS. Nguyễn Đức Trung



**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH
TIẾNG ANH BẮN PHẢN (CLC) VÀ CTĐT ĐẶC BIỆT ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ CÁC HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH ĐỢT THÁNG 12 NĂM 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định: 156 /QĐ-ĐHNH, ngày 20 tháng 01 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
					VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
1	050812240010	Nguyễn Huỳnh Bảo Ân	15/06/2006	HQ12-INE02	3/6			
2	050512240130	Huỳnh Ngọc Lan Anh	17/06/2006	HQ12-ACC02	3/6			
3	050312240006	Đặng Huỳnh Duy Anh	25/01/2006	HQ12-MAG07	3/6			
4	050112240367	Bùi Thị Phương Anh	13/07/2006	HQ12-BAF14	3/6			
5	050112240382	Nguyễn Đỗ Phương Anh	23/04/2006	HQ12-BAF19	3/6			
6	050611230135	Nguyễn Thảo Bình	12/08/2005	HQ11-BAF17	3/6			
7	050112240022	Đặng Tú Châu	17/12/2006	HQ12-BAF17	3/6			
8	050112240318	Cao Thị Bảo Châu	19/09/2006	HQ12-BAF17	3/6			
9	050312240027	Trần Thị Quỳnh Chi	12/09/2006	HQ12-MAG05	3/6			
10	050112240449	Vũ Tiến Công	08/11/2006	HQ12-BAF12	3/6			
11	050112240040	La Ngọc Đan Đan	21/10/2006	HQ12-BAF18	3/6			
12	050610220100	Nguyễn Thị Mỹ Dung	31/08/2004	HQ10-GE14	3/6			
13	050611230229	Lê Nguyễn Anh Duy	03/03/2005	HQ11-BAF17	3/6			
14	050112240036	Lý Đình Quốc Duy	26/09/2006	HQ12-BAF22	3/6			
15	050112240462	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	11/06/2006	HQ12-BAF13	3/6			
16	050112240466	Nguyễn Thị Thanh Duyên	12/04/2006	HQ12-BAF14	3/6			
17	050112240046	Lê Thị Hương Giang	08/08/2006	HQ12-BAF12	3/6			
18	050112240495	Nguyễn Phi Giao	13/03/2006	HQ12-BAF14	3/6			
19	050312240039	Cần Đỗ Thu Hà	26/01/2006	HQ12-MAG07	3/6			
20	050112240497	Nguyễn Thị Thái Hà	05/11/2005	HQ12-BAF10	3/6			
21	050112240062	Lâm Hoàng Bảo Hân	09/01/2006	HQ12-BAF02	3/6			
22	050112240067	Thang Gia Hân	13/11/2006	HQ12-BAF03	3/6			
23	050611230328	Mê Hiếu Hằng	05/01/2005	HQ11-ACC04	3/6			
24	050112240504	Huỳnh Mỹ Hạnh	25/04/2006	HQ12-BAF20	3/6			
25	050112240541	Phạm Trần Kim Hiệp	23/11/2006	HQ12-BAF19	4/6			
26	050611230382	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	04/10/2005	HQ11-BAF18	3/6			
27	050512240031	Đỗ Thị Huệ	20/12/2006	HQ12-ACC02	3/6			
28	050812240022	Nguyễn Hải Hưng	20/01/2006	HQ12-INE02	3/6			
29	050112240589	Nguyễn Thị Ngọc Hương	08/06/2006	HQ12-BAF02	3/6			
30	050512240033	Nguyễn Vũ Khánh Huy	26/10/2006	HQ12-ACC02	3/6			

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
31	050112240573	Nguyễn Thu	Huyền	16/10/2006	HQ12-BAF16	3/6			
32	050112240099	Huỳnh Xuân	Khang	06/10/2006	HQ12-BAF11	3/6			
33	050312240281	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	08/02/2006	HQ12-MAG01	3/6			
34	050112240617	Nguyễn Hồ Trọng	Khoa	15/09/2006	HQ12-BAF04	4/6			
35	050112240102	Hoàng Minh	Khuê	08/03/2005	HQ12-BAF02	3/6			
36	050312240287	Nguyễn Trung	Kiên	19/07/2006	HQ12-MAG06	3/6			
37	050812240024	Võ Tuấn	Kiệt	02/02/2006	HQ12-INE02	3/6			
38	050312240076	Trần Hoàng Bảo	Lam	13/07/2005	HQ12-MAG05	3/6			
39	050312240077	Đỗ Bích	Liên	03/10/2006	HQ12-MAG03	3/6			
40	050312240082	Phan Thị Ngọc	Linh	03/04/2006	HQ12-MAG03	3/6			
41	050312240078	Bùi Thụy Ngọc	Linh	25/12/2006	HQ12-MAG07	3/6			
42	050112240663	Nguyễn Phi	Líp	08/12/2006	HQ12-BAF12	3/6			
43	050112240676	Đào Phương	Ly	14/08/2006	HQ12-BAF15	3/6			
44	050512240052	Ngô Trần Hương	Mai	22/02/2006	HQ12-ACC02	4/6			
45	050112240692	Lê Đức	Mạnh	30/06/2006	HQ12-BAF23		6.0		
46	050112240694	Trương Thị	Mến	02/01/2006	HQ12-BAF08	3/6			
47	050112240701	Nguyễn Thuỳ	Minh	20/07/2006	HQ12-BAF18	3/6			
48	050512240184	Nguyễn Trà	My	17/02/2006	HQ12-ACC05	3/6			
49	050312240298	Đoàn Thị Trà	My	18/07/2004	HQ12-MAG06	3/6			
50	050312240299	Nguyễn Hà	My	13/05/2006	HQ12-MAG05	3/6			
51	050312240300	Danh Thị Kim	Ngân	22/03/2006	HQ12-MAG02		5.5		
52	050312240095	Đào Kim	Ngân	06/05/2006	HQ12-MAG04	4/6			
53	050112240722	Huỳnh Ngọc Kim	Ngân	19/08/2006	HQ12-BAF17	3/6			
54	050312240094	Đỗ Minh	Ngân	13/01/2006	HQ12-MAG05	3/6			
55	050112240142	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	11/04/2006	HQ12-BAF03	3/6			
56	050312240305	Võ Lê Kim	Ngân	26/04/2006	HQ12-MAG07	3/6			
57	050112240152	Trần Phương	Nghi	26/08/2006	HQ12-BAF22	3/6			
58	050312240104	Nguyễn Trọng	Nghĩa	29/07/2005	HQ12-MAG08	3/6			
59	050112240153	Đoàn Đình	Nghĩa	02/02/2006	HQ12-BAF08	4/6			
60	050112240155	Đinh Tuyết	Ngọc	17/01/2006	HQ12-BAF16	3/6			
61	050112240165	Văn Hồng	Ngọc	09/09/2006	HQ12-BAF12	3/6			
62	050312240114	Nguyễn Ngọc	Nhàn	07/03/2005	HQ12-MAG04	3/6			
63	050312240116	Dương Phương	Nhi	16/11/2006	HQ12-MAG06	3/6			
64	050312240318	Lê Trần Yến	Nhi	13/05/2006	HQ12-MAG01	3/6			

HÀ
 TRƯỞNG
 ĐỐC NG
 IANH
 Ồ CHỈ
 ★

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
65	050512240073	Trần Ái	Nhi	20/04/2006	HQ12-ACC05	3/6			
66	050512240210	Đinh Bảo	Như	29/06/2006	HQ12-ACC02	3/6			
67	050312240122	Cần Thị Tuyết	Như	06/05/2006	HQ12-MAG04	3/6			
68	050812240059	Phan Thị Quỳnh	Như	13/04/2006	HQ12-INE02	3/6			
69	050112240197	Nguyễn Quỳnh	Như	31/03/2006	HQ12-BAF23	4/6			
70	050512240075	Cao Lê Khánh	Như	21/11/2006	HQ12-ACC02			745+260	
71	050112240835	Phan Ngọc Tuyết	Như	07/02/2006	HQ12-BAF02	3/6			
72	050112240198	Phạm Tổ	Như	20/11/2006	HQ12-BAF18	3/6			
73	120605230037	Huỳnh Ngọc	Như	24/09/2005	HQ11-MAG01	3/6			
74	050312240121	Phạm Thị Hồng	Nhung	10/03/2006	HQ12-MAG04	3/6			
75	050512240213	Nguyễn Võ Kim	Oanh	17/06/2006	HQ12-ACC02	3/6			
76	050112240201	Lê Nguyễn Thanh	Phong	08/08/2006	HQ12-BAF12	3/6			
77	050512240079	Trương	Phúc	23/02/2006	HQ12-ACC02		5.5		
78	050512240080	Đoàn Lê Trúc	Phương	23/05/2006	HQ12-ACC06	4/6			
79	050312240131	Nguyễn Thị Thanh	Phương	02/08/2006	HQ12-MAG01	4/6			
80	050112240212	Vy Hồ Minh	Quân	23/11/2006	HQ12-BAF19	4/6			
81	050112240874	Nguyễn Phạm Tiến	Quân	22/01/2006	HQ12-BAF05	3/6			
82	050312240344	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	04/10/2006	HQ12-MAG03	3/6			
83	050312240147	Trương Minh Khánh	Quỳnh	06/11/2006	HQ12-MAG01	3/6			
84	050312240148	Nguyễn Thái	Son	06/08/2005	HQ12-MAG04	3/6			
85	050112240915	Trần Thanh	Tâm	23/05/2006	HQ12-BAF19	3/6			
86	050812240061	Trần Vũ Ngọc	Thanh	17/04/2006	HQ12-INE02	4/6			
87	050112240923	Nguyễn Phước	Thành	25/04/2006	HQ12-BAF20	3/6			
88	050512240087	Nguyễn Như	Thảo	06/06/2006	HQ12-ACC03	3/6			
89	050112240938	Tô Hoàng Thanh	Thảo	14/05/2006	HQ12-BAF03	4/6			
90	050610221314	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo	09/06/2004	HQ10-GE07	3/6			
91	050112240941	Trương Thị Phương	Thảo	02/04/2006	HQ12-BAF08	3/6			
92	050112240953	Nguyễn Đào Dịu	Thiện	08/10/2006	HQ12-BAF12	3/6			
93	050112240959	Nguyễn Huy	Thông	02/08/2006	HQ12-BAF08	3/6			
94	050512240240	Phạm Thanh	Thư	23/07/2006	HQ12-ACC02	3/6			
95	050312240166	Nguyễn Anh	Thư	28/04/2006	HQ12-MAG08	3/6			
96	050312240171	Nguyễn Thị Minh	Thư	10/10/2006	HQ12-MAG01	3/6			
97	050112240996	Phùng Nguyễn Minh	Thư	27/04/2006	HQ12-BAF07	3/6			
98	050512240232	Trần Thị Thu	Thủy	03/12/2006	HQ12-ACC03	3/6			

NƯỚC
 IG
 IN HÂN
 PHỐ
 MINH

STT	MÃ SỐ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP SINH HOẠT	CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH			
					VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
99	050312240175	Nguyễn Trần Quỳnh Thy	06/10/2006	HQ12-MAG01	3/6			
100	050312240183	Thái Thùy Tiên	10/08/2006	HQ12-MAG04	3/6			
101	050112240256	Nguyễn Thị Minh Toàn	07/04/2004	HQ12-BAF11	3/6			
102	050512240248	Nguyễn Thụy Ánh Trang	24/10/2005	HQ12-ACC02	3/6			
103	050312240187	Lại Mỹ Trang	11/09/2006	HQ12-MAG05	3/6			
104	050512240107	Nguyễn Thị Thu Trang	17/09/2006	HQ12-ACC05	3/6			
105	050112241028	Lê Thị Khánh Trang	21/11/2005	HQ12-BAF18	3/6			
106	050112241027	Đoàn Yến Trang	12/08/2006	HQ12-BAF14	3/6			
107	050112241036	Nguyễn Thùy Trang	02/04/2006	HQ12-BAF08	3/6			
108	050611231385	Lăng Huyền Trang	12/01/2005	HQ11-BAF10	3/6			
109	050112241040	Trần Thị Huyền Trang	20/01/2006	HQ12-BAF17	3/6			
110	050512240108	Trần Nguyễn Hiền Trang	21/12/2006	HQ12-ACC05	4/6			
111	050112241083	Nguyễn Thị Thanh Trúc	25/08/2006	HQ12-BAF20	3/6			
112	050112241087	Tăng Anh Thanh Trúc	25/08/2006	HQ12-BAF06	3/6			
113	050112241082	Nguyễn Hồ Thanh Trúc	20/01/2006	HQ12-BAF17	3/6			
114	050112240280	Nguyễn Văn Trung	16/07/2006	HQ12-BAF16	3/6			
115	050312240373	Tạ Thị Ánh Tuyết	21/04/2006	HQ12-MAG07	3/6			
116	050512240115	Nguyễn Thị Tú Uyên	21/03/2006	HQ12-ACC05	3/6			
117	050512240260	Lê Huỳnh Thanh Vân	21/08/2006	HQ12-ACC02	3/6			
118	050112241124	Ngô Đơn Vĩ	20/05/2006	HQ12-BAF18	3/6			
119	050611231554	Trương Quang Vinh	26/04/2004	HQ11-BAF15	3/6			
120	050112240304	Bùi Thị Thảo Vy	18/09/2006	HQ12-BAF17	3/6			
121	050112241139	Lê Hoàng Thuý Vy	12/07/2006	HQ12-BAF03	3/6			
122	050312240231	Nguyễn Phương Vy	23/08/2006	HQ12-MAG07	3/6			
123	050112241136	Đoàn Thanh Tường Vy	19/08/2005	HQ12-BAF17	3/6			
124	050112240312	Võ Ngọc Tường Vy	04/01/2006	HQ12-BAF09	3/6			
125	050112241161	Trần Thị Xoan	02/01/2006	HQ12-BAF08	3/6			
126	050112241162	Nguyễn Huỳnh Chúc Xuân	02/10/2006	HQ12-BAF01	3/6			
127	050112241168	Nguyễn Ngọc Như Ý	24/04/2005	HQ12-BAF20	3/6			
128	050112241179	Trần Hải Yến	13/07/2006	HQ12-BAF03	3/6			

Tổng số: 128 sinh viên

STATE BANK OF VIETNAM
HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

No: 156/QĐ-ĐHNH

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Ho Chi Minh City, January 20, 2026

DECISION

Regarding the recognition of eligibility for studying English for Specific Purposes (ESP) for full-time undergraduate students in the Partial English Program (CLC),
December 2025 session

RECTOR OF HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING

Pursuant to Resolution No. 658/QĐ-ĐHNH dated April 4, 2024 of the Governor of the State Bank of Vietnam on the regulations on the functions, duties, powers, and organizational structure of the Banking University of Ho Chi Minh City;"

Pursuant to Resolution No. 159/NQ-ĐHNH-HĐT (September 16th, 2024), by the Chairman of the University Council on promulgating the Regulation on functions, tasks, powers, and organizational structure of the units under the Banking University of Ho Chi Minh City;

Pursuant to Circular No. 01/2014/TT-BGDĐT (January 24th, 2014) issued by the Ministry of Education and Training on promulgating the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam

Pursuant to Decision No. 1070/QĐ-ĐHNH (April 24th, 2024) by the Rector on promulgating the Regulation on the organization and implementation of the high-quality, partially English-taught, and special undergraduate training programs at the Banking University of Ho Chi Minh City;

Considering the English certificates submitted by students and the recommendation of the Head of the Academic Affairs Office.

DECISION:

Article 1: Recognition of English Proficiency Achievement at the General Education Stage (Equivalent to Level 3/6 under the Vietnamese National Foreign Language Proficiency Framework) for 128 Full-time Undergraduate Students in the Partial English Program (CLC) – December 2025 Session

(List attached)

Article 2: Related units shall coordinate implementation according to Decision No. 1075/QĐ-ĐHNH (May 8, 2019) by the Rector on promulgating the Regulation on grading management on the Academic Management Software System.

Article 3: The Chief of Office, Head of the Academic Affairs Office, Head of the Testing and Quality Assurance Office, and the students listed in Article 1 are responsible for implementing this Decision.

Recipients:

- As Article 3;
- Testing & Quality Assurance office.
- General Administration Office
- , High-Quality Program Committee.

RECTOR 

(Signed)

Nguyen Duc Trung



**List of Full-Time Undergraduate Students of the Partially English-Taught Program (CLC)
Eligible to Register for Specialized English-Taught Courses – December 2025 Session**

*Issued together with Decision No. 157/QĐ-ĐHNH, dated 20/01/2025 by the Rector of Banking University of
Ho Chi Minh City*

NO.	STUDENT ID	FULL NAME	DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
					VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
1	050812240010	Nguyễn Huỳnh Bảo Ân	15/06/2006	HQ12-INE02	3/6			
2	050512240130	Huỳnh Ngọc Lan Anh	17/06/2006	HQ12-ACC02	3/6			
3	050312240006	Đặng Huỳnh Duy Anh	25/01/2006	HQ12-MAG07	3/6			
4	050112240367	Bùi Thị Phương Anh	13/07/2006	HQ12-BAF14	3/6			
5	050112240382	Nguyễn Đỗ Phương Anh	23/04/2006	HQ12-BAF19	3/6			
6	050611230135	Nguyễn Thảo Bình	12/08/2005	HQ11-BAF17	3/6			
7	050112240022	Đặng Tú Châu	17/12/2006	HQ12-BAF17	3/6			
8	050112240318	Cao Thị Bảo Châu	19/09/2006	HQ12-BAF17	3/6			
9	050312240027	Trần Thị Quỳnh Chi	12/09/2006	HQ12-MAG05	3/6			
10	050112240449	Vũ Tiến Công	08/11/2006	HQ12-BAF12	3/6			
11	050112240040	La Ngọc Đan Đan	21/10/2006	HQ12-BAF18	3/6			
12	050610220100	Nguyễn Thị Mỹ Dung	31/08/2004	HQ10-GE14	3/6			
13	050611230229	Lê Nguyễn Anh Duy	03/03/2005	HQ11-BAF17	3/6			
14	050112240036	Lý Đình Quốc Duy	26/09/2006	HQ12-BAF22	3/6			
15	050112240462	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	11/06/2006	HQ12-BAF13	3/6			
16	050112240466	Nguyễn Thị Thanh Duyên	12/04/2006	HQ12-BAF14	3/6			
17	050112240046	Lê Thị Hương Giang	08/08/2006	HQ12-BAF12	3/6			
18	050112240495	Nguyễn Phi Giao	13/03/2006	HQ12-BAF14	3/6			
19	050312240039	Cần Đỗ Thu Hà	26/01/2006	HQ12-MAG07	3/6			
20	050112240497	Nguyễn Thị Thái Hà	05/11/2005	HQ12-BAF10	3/6			
21	050112240062	Lâm Hoàng Bảo Hân	09/01/2006	HQ12-BAF02	3/6			
22	050112240067	Thang Gia Hân	13/11/2006	HQ12-BAF03	3/6			
23	050611230328	Mê Hiếu Hằng	05/01/2005	HQ11-ACC04	3/6			
24	050112240504	Huỳnh Mỹ Hạnh	25/04/2006	HQ12-BAF20	3/6			
25	050112240541	Phạm Trần Kim Hiệp	23/11/2006	HQ12-BAF19	4/6			
26	050611230382	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	04/10/2005	HQ11-BAF18	3/6			
27	050512240031	Đỗ Thị Huệ	20/12/2006	HQ12-ACC02	3/6			
28	050812240022	Nguyễn Hải Hưng	20/01/2006	HQ12-INE02	3/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
29	050112240589	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	08/06/2006	HQ12-BAF02	3/6			
30	050512240033	Nguyễn Vũ Khánh	Huy	26/10/2006	HQ12-ACC02	3/6			
31	050112240573	Nguyễn Thu	Huyền	16/10/2006	HQ12-BAF16	3/6			
32	050112240099	Huỳnh Xuân	Khang	06/10/2006	HQ12-BAF11	3/6			
33	050312240281	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	08/02/2006	HQ12-MAG01	3/6			
34	050112240617	Nguyễn Hồ Trọng	Khoa	15/09/2006	HQ12-BAF04	4/6			
35	050112240102	Hoàng Minh	Khuê	08/03/2005	HQ12-BAF02	3/6			
36	050312240287	Nguyễn Trung	Kiên	19/07/2006	HQ12-MAG06	3/6			
37	050812240024	Võ Tuấn	Kiệt	02/02/2006	HQ12-INE02	3/6			
38	050312240076	Trần Hoàng Bảo	Lam	13/07/2005	HQ12-MAG05	3/6			
39	050312240077	Đỗ Bích	Liên	03/10/2006	HQ12-MAG03	3/6			
40	050312240082	Phan Thị Ngọc	Linh	03/04/2006	HQ12-MAG03	3/6			
41	050312240078	Bùi Thụy Ngọc	Linh	25/12/2006	HQ12-MAG07	3/6			
42	050112240663	Nguyễn Phi	Líp	08/12/2006	HQ12-BAF12	3/6			
43	050112240676	Đào Phương	Ly	14/08/2006	HQ12-BAF15	3/6			
44	050512240052	Ngô Trần Hương	Mai	22/02/2006	HQ12-ACC02	4/6			
45	050112240692	Lê Đức	Mạnh	30/06/2006	HQ12-BAF23		6.0		
46	050112240694	Trương Thị	Mến	02/01/2006	HQ12-BAF08	3/6			
47	050112240701	Nguyễn Thuý	Minh	20/07/2006	HQ12-BAF18	3/6			
48	050512240184	Nguyễn Trà	My	17/02/2006	HQ12-ACC05	3/6			
49	050312240298	Đoàn Thị Trà	My	18/07/2004	HQ12-MAG06	3/6			
50	050312240299	Nguyễn Hà	My	13/05/2006	HQ12-MAG05	3/6			
51	050312240300	Danh Thị Kim	Ngân	22/03/2006	HQ12-MAG02		5.5		
52	050312240095	Đào Kim	Ngân	06/05/2006	HQ12-MAG04	4/6			
53	050112240722	Huỳnh Ngọc Kim	Ngân	19/08/2006	HQ12-BAF17	3/6			
54	050312240094	Đỗ Minh	Ngân	13/01/2006	HQ12-MAG05	3/6			
55	050112240142	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	11/04/2006	HQ12-BAF03	3/6			
56	050312240305	Võ Lê Kim	Ngân	26/04/2006	HQ12-MAG07	3/6			
57	050112240152	Trần Phương	Nghi	26/08/2006	HQ12-BAF22	3/6			
58	050312240104	Nguyễn Trọng	Nghĩa	29/07/2005	HQ12-MAG08	3/6			
59	050112240153	Đoàn Đình	Nghĩa	02/02/2006	HQ12-BAF08	4/6			
60	050112240155	Đình Tuyết	Ngọc	17/01/2006	HQ12-BAF16	3/6			
61	050112240165	Văn Hồng	Ngọc	09/09/2006	HQ12-BAF12	3/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
62	050312240114	Nguyễn Ngọc	Nhàn	07/03/2005	HQ12-MAG04	3/6			
63	050312240116	Dương Phương	Nhi	16/11/2006	HQ12-MAG06	3/6			
64	050312240318	Lê Trần Yến	Nhi	13/05/2006	HQ12-MAG01	3/6			
65	050512240073	Trần Ái	Nhi	20/04/2006	HQ12-ACC05	3/6			
66	050512240210	Đinh Bảo	Như	29/06/2006	HQ12-ACC02	3/6			
67	050312240122	Cần Thị Tuyết	Như	06/05/2006	HQ12-MAG04	3/6			
68	050812240059	Phan Thị Quỳnh	Như	13/04/2006	HQ12-INE02	3/6			
69	050112240197	Nguyễn Quỳnh	Như	31/03/2006	HQ12-BAF23	4/6			
70	050512240075	Cao Lê Khánh	Như	21/11/2006	HQ12-ACC02			745+260	
71	050112240835	Phan Ngọc Tuyết	Như	07/02/2006	HQ12-BAF02	3/6			
72	050112240198	Phạm Tổ	Như	20/11/2006	HQ12-BAF18	3/6			
73	120605230037	Huỳnh Ngọc	Như	24/09/2005	HQ11-MAG01	3/6			
74	050312240121	Phạm Thị Hồng	Nhung	10/03/2006	HQ12-MAG04	3/6			
75	050512240213	Nguyễn Võ Kim	Oanh	17/06/2006	HQ12-ACC02	3/6			
76	050112240201	Lê Nguyễn Thanh	Phong	08/08/2006	HQ12-BAF12	3/6			
77	050512240079	Trương	Phúc	23/02/2006	HQ12-ACC02		5.5		
78	050512240080	Đoàn Lê Trúc	Phương	23/05/2006	HQ12-ACC06	4/6			
79	050312240131	Nguyễn Thị Thanh	Phương	02/08/2006	HQ12-MAG01	4/6			
80	050112240212	Vy Hồ Minh	Quân	23/11/2006	HQ12-BAF19	4/6			
81	050112240874	Nguyễn Phạm Tiến	Quân	22/01/2006	HQ12-BAF05	3/6			
82	050312240344	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	04/10/2006	HQ12-MAG03	3/6			
83	050312240147	Trương Minh Khánh	Quỳnh	06/11/2006	HQ12-MAG01	3/6			
84	050312240148	Nguyễn Thái	Sơn	06/08/2005	HQ12-MAG04	3/6			
85	050112240915	Trần Thanh	Tâm	23/05/2006	HQ12-BAF19	3/6			
86	050812240061	Trần Vũ Ngọc	Thanh	17/04/2006	HQ12-INE02	4/6			
87	050112240923	Nguyễn Phước	Thành	25/04/2006	HQ12-BAF20	3/6			
88	050512240087	Nguyễn Như	Thảo	06/06/2006	HQ12-ACC03	3/6			
89	050112240938	Tô Hoàng Thanh	Thảo	14/05/2006	HQ12-BAF03	4/6			
90	050610221314	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo	09/06/2004	HQ10-GE07	3/6			
91	050112240941	Trương Thị Phương	Thảo	02/04/2006	HQ12-BAF08	3/6			
92	050112240953	Nguyễn Đào Dịu	Thiện	08/10/2006	HQ12-BAF12	3/6			
93	050112240959	Nguyễn Huy	Thông	02/08/2006	HQ12-BAF08	3/6			
94	050512240240	Phạm Thanh	Thư	23/07/2006	HQ12-ACC02	3/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME		DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
						VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
95	050312240166	Nguyễn Anh	Thư	28/04/2006	HQ12-MAG08	3/6			
96	050312240171	Nguyễn Thị Minh	Thư	10/10/2006	HQ12-MAG01	3/6			
97	050112240996	Phùng Nguyễn Minh	Thư	27/04/2006	HQ12-BAF07	3/6			
98	050512240232	Trần Thị Thu	Thủy	03/12/2006	HQ12-ACC03	3/6			
99	050312240175	Nguyễn Trần Quỳnh	Thy	06/10/2006	HQ12-MAG01	3/6			
100	050312240183	Thái Thủy	Tiên	10/08/2006	HQ12-MAG04	3/6			
101	050112240256	Nguyễn Thị Minh	Toàn	07/04/2004	HQ12-BAF11	3/6			
102	050512240248	Nguyễn Thụy Ánh	Trang	24/10/2005	HQ12-ACC02	3/6			
103	050312240187	Lại Mỹ	Trang	11/09/2006	HQ12-MAG05	3/6			
104	050512240107	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/09/2006	HQ12-ACC05	3/6			
105	050112241028	Lê Thị Khánh	Trang	21/11/2005	HQ12-BAF18	3/6			
106	050112241027	Đoàn Yến	Trang	12/08/2006	HQ12-BAF14	3/6			
107	050112241036	Nguyễn Thùy	Trang	02/04/2006	HQ12-BAF08	3/6			
108	050611231385	Lăng Huyền	Trang	12/01/2005	HQ11-BAF10	3/6			
109	050112241040	Trần Thị Huyền	Trang	20/01/2006	HQ12-BAF17	3/6			
110	050512240108	Trần Nguyễn Hiền	Trang	21/12/2006	HQ12-ACC05	4/6			
111	050112241083	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	25/08/2006	HQ12-BAF20	3/6			
112	050112241087	Tăng Anh Thanh	Trúc	25/08/2006	HQ12-BAF06	3/6			
113	050112241082	Nguyễn Hồ Thanh	Trúc	20/01/2006	HQ12-BAF17	3/6			
114	050112240280	Nguyễn Văn	Trung	16/07/2006	HQ12-BAF16	3/6			
115	050312240373	Tạ Thị Ánh	Tuyết	21/04/2006	HQ12-MAG07	3/6			
116	050512240115	Nguyễn Thị Tú	Uyên	21/03/2006	HQ12-ACC05	3/6			
117	050512240260	Lê Huỳnh Thanh	Vân	21/08/2006	HQ12-ACC02	3/6			
118	050112241124	Ngô Đơn	Vĩ	20/05/2006	HQ12-BAF18	3/6			
119	050611231554	Trương Quang	Vinh	26/04/2004	HQ11-BAF15	3/6			
120	050112240304	Bùi Thị Thảo	Vy	18/09/2006	HQ12-BAF17	3/6			
121	050112241139	Lê Hoàng Thuý	Vy	12/07/2006	HQ12-BAF03	3/6			
122	050312240231	Nguyễn Phương	Vy	23/08/2006	HQ12-MAG07	3/6			
123	050112241136	Đoàn Thanh Tường	Vy	19/08/2005	HQ12-BAF17	3/6			
124	050112240312	Võ Ngọc Tường	Vy	04/01/2006	HQ12-BAF09	3/6			
125	050112241161	Trần Thị	Xoan	02/01/2006	HQ12-BAF08	3/6			
126	050112241162	Nguyễn Huỳnh Chúc	Xuân	02/10/2006	HQ12-BAF01	3/6			
127	050112241168	Nguyễn Ngọc Như	Ý	24/04/2005	HQ12-BAF20	3/6			

NO.	STUDENT ID	FULL NAME	DATE OF BIRTH	SLASS	ENGLISH CERITIFICATE			
					VSTEP	IELTS	TOEIC	IBT
128	050112241179	Trần Hải Yến	13/07/2006	HQ12-BAF03	3/6			

Total: 128 students

